

Xây dựng mô hình sinh kế bền vững ở khu dự trữ sinh quyển thế giới ứng phó với biến đổi khí hậu (trường hợp nghiên cứu ở khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm – Hội An)

Nguyễn Ngọc Khánh*, Nguyễn Hồng Anh

*Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ,
Hòa Quý, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng, Việt Nam*

Nhận ngày 06 tháng 10 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 18 tháng 10 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 11 năm 2016

Tóm tắt: Dân cư sống trong các khu dự trữ sinh quyển là hệ quả lịch sử, vì thế, xây dựng mô hình sinh kế bền vững cho dân cư ở các khu dự trữ sinh quyển là cấp thiết trong hoàn cảnh biến đổi khí hậu và phát triển KT-XH hiện nay ở Việt Nam. Nguyên lý hài hòa là phát triển nguồn vốn tài nguyên đa dạng sinh học để bảo tồn và sử dụng vốn gia tăng tài nguyên ĐDSH để xây dựng sinh kế bền vững. Từ đó, mô hình sinh kế bền vững ở khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm – Hội An được xác định là: “rừng đa tầng, biển đa dạng – đất, ruộng đa canh – nhà đa gian”.

Từ khóa: Mô hình, sinh kế bền vững, khu dự trữ sinh quyển, biến đổi khí hậu, phát triển.

1. Đặt vấn đề

Trong lý thuyết sinh thái hiện đại, đa dạng sinh học (ĐDSH) vừa thích nghi với hoàn cảnh biến đổi khí hậu, vừa thích ứng với các tác động của hoạt động phát triển, trong khi các khu dự trữ sinh quyển (DTSQ) thế giới được công nhận để bảo tồn và phát triển tài nguyên ĐDSH phục vụ sự tồn tại và phát triển của cuộc sống trên hành tinh trái đất, vì thế, cần tạo lập các mô hình sinh kế bền vững ở các khu DTSQ thế giới nhằm hạn chế các tác động của con người trong giới hạn mà hệ sinh thái có thể được phục hồi và tái phát triển.

2. Nguyên lý chung về sự hài hòa giữa phát triển sinh kế với bảo tồn và phát triển tài nguyên đa dạng sinh học

Sự hài hòa giữa sinh kế bền vững với bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên ĐDSH trong các khu DTSQ được đặt ra trên nguyên lý chung: *trước nhất* là làm giàu ĐDSH thụ động bằng cách không tác động đến vốn tài nguyên hiện có để tài nguyên tự phục hồi, tự gia tăng giá trị của mình; *thứ hai*, làm gia tăng các nguồn vốn ĐDSH để tạo sinh kế từ các nguồn lợi mà con người làm tăng thêm; và *thứ ba*, đó là bên cạnh các giá trị hữu hình của tài nguyên ĐDSH, cần khai thác kinh tế các giá trị vô hình của các HST (các giá trị môi trường, các giá trị văn hóa, tâm lý, các giá trị tâm linh, tín ngưỡng,...) cho phát triển các loại hình sinh kế bền vững dựa vào tài nguyên và sinh kế phi tài

* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-913222321
Email: ngoockhanh@hlnv@gmail.com

nguyên thay thế cho sinh kế khai thác tài nguyên hiện có, thông qua việc nâng cao nhận thức về các giá trị văn hóa môi trường nhằm điều chỉnh hành vi xã hội đối với cư dân sống trong các khu DTSQ.

3. Luận cứ cho sự hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với sinh kế bền vững

a/ Luận cứ về khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đa dạng sinh học với bản chất là giá trị kinh tế, nhưng nền tảng tinh thần là các giá trị văn hóa và đạo đức môi trường được xem là triết lý phát triển trên quan điểm khoa học xã hội nhân văn về sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở Việt Nam [1], mà theo quy luật phát triển của nền kinh tế thị trường là cần phải tạo ra ngày càng nhiều hơn, liên tục hơn các giá trị về kinh tế. Trong khi đó, các cư dân sinh sống trong các khu DTSQ là một hệ quả lịch sử ngụ cư, họ đã ở đó từ khi chưa có sự thành lập các khu DTSQ và đời sống kinh tế truyền thống của họ dựa vào nguồn tài nguyên ĐDSH. Vậy làm thế nào để hài hòa việc bảo đảm sinh kế (khai thác kinh tế) với bảo tồn và cao hơn là nâng cao hơn nữa các giá trị nguồn tài nguyên ĐDSH? Ở đây cần có tiếp cận mới về giá trị kinh tế tài nguyên, đó là trong xã hội hiện đại, giá trị kinh tế của tài nguyên ĐDSH không chỉ nằm trong các giá trị hữu hình mà còn trong các giá trị vô hình. Có điều là các cộng đồng dân cư chưa tiếp cận hoặc tiếp cận chưa đầy đủ về các giá trị đó để hình thành các loại hình sinh kế mới – các loại hình sinh kế dựa vào tài nguyên hay phi tài nguyên ĐDSH. Chỉ khi cộng đồng hiểu được và đưa được các giá trị này vào đời sống kinh tế của họ, khi đó sẽ hình thành được các giá trị văn hóa và đạo đức môi trường (nền tảng tinh thần) dựa trên các giá trị kinh tế hiện đại (bản chất của sinh kế) gắn với bảo vệ tài nguyên.

b/ Luận cứ về phát triển sinh kế dựa trên giá trị gia tăng của vốn tài nguyên ĐDSH nhằm giảm áp lực và mâu thuẫn trong sử dụng tài nguyên ĐDSH

Với hệ thống tri thức hiện đại gắn với các tri thức địa phương và bằng các phương pháp sinh học, sinh thái học, lâm học, nông – lâm học, các cộng đồng dân cư sinh sống trong phạm vi của các DTSQ có đủ khả năng làm gia tăng vốn tài nguyên ĐDSH trong việc tạo dựng các loại hình sinh kế dựa vào tài nguyên gắn với tri thức cộng đồng như phát triển lâm sản ngoài gỗ. Tiếp theo, từ dạng sinh kế dựa vào tài nguyên, phát triển các dạng sinh kế phi tài nguyên hay phi sử dụng tài nguyên với sự liên kết thực hiện các bên tham gia, trong đó, cộng đồng vừa là chủ thể thực hiện, vừa là người hưởng lợi, có sự gắn kết quyền lợi kinh tế của các doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư với giá trị kinh tế của các cộng đồng dân cư khi tham gia gìn giữ và làm tăng thêm giá trị nguồn tài nguyên như nguồn lực cho phát triển sinh kế. Vai trò của cộng đồng không chỉ là một thành viên tham gia tích cực trong quá trình thực hiện mà còn tham gia đồng quản lý nguồn lực tài nguyên đảm bảo sinh kế của mình.

c/ Luận cứ về thuyết sinh thái nhân văn mới dựa trên nền tảng định hướng sản xuất thúc đẩy sự gia tăng vốn tài nguyên đa dạng sinh học

Bên cạnh các tác động tự nhiên trong hoàn cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu, các tác động của xã hội góp phần tạo nên những đặc tính mới cho các hệ sinh thái (HST) thông qua sự phản hồi của sinh vật với tác động dân sinh, kinh tế gọi là tính chống chịu sinh thái-xã hội [2], làm thành cơ sở cho “*thuyết sinh thái mới*” với hai phần: (1) Phần liên quan đến hệ sinh thái là sự liên kết đặc biệt mới tạo thay đổi mang tính tiềm năng trong chính các chức năng của hệ sinh thái; và (2) Phần liên quan đến con người, đó là việc xem hệ sinh thái là kết quả tác động của những hành động (hoặc vô tình, hoặc cố ý), nhưng không phụ thuộc vào sự can thiệp trực tiếp của con người mà do các phản ứng sinh học của các hệ sinh thái khi các điều kiện phi sinh học bị tác động [3], đòi hỏi một tiến trình “*hoà giải các hoạt động KT-XH của con người với khả năng đàn hồi lâu dài, để bị tổn thương và khả năng tái tạo liên tục của các hệ sinh thái*” nhằm trung hòa mối quan hệ giữa nhu cầu của

con người, duy trì tăng trưởng kinh tế với bảo tồn vốn tự nhiên [4].

Thông qua các tác động điều chỉnh, con người có thể làm tăng lên/hay giảm đi tính chống chịu của hệ kết hợp môi trường–nhân văn (Coupled Human-Environmental Systems) hay hệ sinh thái–xã hội (Socio-ecological Systems). Vì thế, có thể đề xuất một “*diễn thế phát triển*” với nội hàm, từ đất trống đồi trọc hoặc thảm thực vật thứ sinh nghèo kiệt bằng hoạt động trồng rừng, phát triển hệ sinh thái rừng trồng cây thành HST rừng tự nhiên, từ đó gia tăng thêm các giá trị hệ sinh thái, tạo tiềm năng khai thác kinh tế từ vốn gia tăng của các HST [5].

d/ Luận cứ về cơ chế quản lý tài nguyên theo hướng hiện đại, bền vững dựa trên quy trình kết hợp với thay đổi và hoàn thiện thể chế - chính sách quản lý tài nguyên đa dạng sinh học trong hoàn cảnh hiện đại

Ở đây, theo quy trình quản lý tài nguyên đề cập trong các bộ luật về tài nguyên là: Kiểm kê trữ lượng – đánh giá, định giá tài nguyên – quy hoạch khai thác – chiến lược sử dụng tiết kiệm, hiệu quả kinh tế, kết hợp với việc phát huy tri thức cộng đồng, tri thức địa phương của dân cư và hoàn thiện thể chế - chính sách để tạo điều kiện cho phát triển vốn tài nguyên ĐDSH, làm cơ sở cho phát triển sinh kế.

Luận cứ còn thể hiện được cơ sở khoa học hiện đại về tài nguyên vốn chỉ được phân chia thành các dạng vật chất thông thường hay chỉ theo các dạng tái tạo hay không tái tạo, mà kết quả thường đưa đến sự chông chéo trong quản lý, thì trong hoàn cảnh hiện nay đã được chia thành các dạng tài nguyên nguyên liệu, tài nguyên chất liệu môi trường, tài nguyên dòng và tài nguyên không gian, nên cho dù chỉ là một đối tượng tài nguyên về thực thể, nhưng lại có những dạng thể hiện khác nhau về giá trị tài nguyên và được quản lý bằng những bộ luật khác nhau, điều này làm tăng giá trị kinh tế của tài nguyên và đảm bảo giá trị kinh tế tổng hợp cho sinh kế bền vững [6].

e/ Luận cứ về việc liên kết của các bên tham gia tạo sự hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với sinh kế bền vững

Phát triển bền vững là mục tiêu xã hội đòi hỏi sự tham gia của cả cộng đồng xã hội, do đó, sự hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với sinh kế bền vững phải là việc làm của toàn xã hội mà ở đây là sự thể hiện của đại diện xã hội với các bên tham gia, đó là sự liên kết của cộng đồng: cộng đồng khoa học (các cơ sở nghiên cứu, giáo dục – đào tạo), cộng đồng quản lý (quản lý hành chính+quản lý chuyên môn khu DTSQ), cộng đồng doanh nghiệp (đầu tư vốn và kỹ thuật) với cộng đồng dân cư (văn hóa sản xuất + tri thức cộng đồng) nhằm hiện thực hóa trách nhiệm cho các bên tham gia. Điểm nhấn của luận cứ là sự vào cuộc của chủ thể nhà nước trong việc thay đổi, xây dựng và hoàn thiện thể chế - chính sách quản lý tài nguyên ĐDSH trong bối cảnh phát triển hiện đại, vì thế, đây là luận cứ đảm bảo sự thành công của các mô hình gắn kết sinh kế phát triển và bảo tồn vốn ĐDSH tại khu DTSQ.

4. Xây dựng mô hình sinh kế bền vững trong hoàn cảnh biến đổi khí hậu cho khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm – Hội An

4.1. Mô hình tổng hợp về sinh kế bền vững trong hoàn cảnh biến đổi khí hậu: Đây là mô hình tổng quát được xây dựng trên mối quan hệ hài hòa đa mục tiêu giữa: (a) bảo tồn, phát triển và nâng cao giá trị các nguồn tài nguyên đa dạng sinh học với (b) phát triển sinh kế dân cư bền vững dựa vào tài nguyên đa dạng sinh học giai đoạn đến năm 2020 và sau năm 2020 trên địa bàn khu DTSQ Cù Lao Chàm – Hội An và với (c) sự phát triển KT-XH của thành phố Hội An, của tỉnh Quảng Nam và trên toàn lưu vực Vu Gia – Thu Bồn. Mô hình được đưa ra là: “*rừng đa tầng, biển đa dạng – đất, ruộng đa canh – nhà đa gian*” với các sinh kế ứng các HST khác nhau ở vùng lõi, vùng đệm và vùng chuyển tiếp [7]. Trong đó:

1) Cấu phần “*rừng đa tầng, biển đa dạng*” tại vùng lõi trên Cù Lao Chàm, nơi có một hệ

động – thực vật trên đảo khá phong phú, đa dạng đang được bảo vệ nghiêm ngặt. Mặc dù vậy, tại đây vẫn tồn tại các cộng đồng dân cư với các sinh kế truyền thống được gắn với rừng từ trước khi thành lập khu bảo tồn và khu DTSQ thế giới. Như vậy, ở đây sẽ có hai hướng phát triển sinh kế bền vững gắn với nguồn tài nguyên ĐDSH nhằm bảo vệ cấu trúc đa tầng trong ĐDSH là:

- Hướng thứ nhất, nếu được bảo vệ, bảo tồn nghiêm ngặt, không có tác động khai thác, sử dụng thì hàng năm, tại quần thể này vẫn luôn luôn sản sinh ra một nguồn vốn mới bổ sung vào vốn tài nguyên đa dạng sinh học hiện có, do đó, huy động cộng đồng tham gia bảo vệ và không khai thác, thì để đảm bảo thu nhập kinh tế của dân cư, cần chuyển đổi công tác bảo vệ và chăm sóc rừng thành sinh kế dựa vào tài nguyên, theo đó, giá trị gia tăng vốn tài nguyên ĐDSH tự nhiên hàng năm phải được quy thành tiền và được chia cho cộng đồng tham gia bảo vệ rừng theo cam kết giữa các bên: “Địa phương – Cộng đồng – BQL khu DTSQ”.

- Hướng thứ hai, cộng đồng được BQL khu DTSQ hướng dẫn chọn diện tích để phát triển các vườn cây thuốc lấy giống tự nhiên tại vị, cộng thêm doanh nghiệp để bao tiêu được phẩm, hình thành hướng sinh kế bền vững trong liên kết các bên “Địa phương – Cộng đồng – BQL khu DTSQ – Doanh nghiệp”.

Ngoài rừng, đối với vùng biển quanh đảo hai hướng trên thể hiện như sau:

- Hướng thứ nhất, nếu không khai thác, sử dụng thì các HST biển trong khu DTSQ sẽ tự phát triển và gia tăng giá trị hàng năm, giá trị này cũng cần được cộng đồng tham gia bảo vệ và được hưởng một phần giá trị gia tăng đó của tài nguyên ĐDSH biển như đối với rừng.

- Hướng thứ hai, ngoài việc gìn giữ nguyên trạng để gia tăng tự nhiên các giá trị tài nguyên, cộng đồng tiến hành nuôi trồng gia tăng diện tích san hô, tạo điều kiện phát triển thảm cỏ, thảm rong biển, rừng ngập mặn,... sẽ tạo thêm sự đa dạng HST biển, gia tăng nguồn tài nguyên ĐDSH biển và tăng thêm sự thu hút, tạo thêm việc làm về DLST biển với sự quản lý, điều

phối có tổ chức của Thành phố Hội An và quản lý điều hành chuyên môn của Ban quản lý khu BTTN biển Cù Lao Chàm, cùng nguồn đầu tư từ các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp du lịch, hình thành hướng sinh kế mới bền vững, song song với việc không làm tổn hại mà làm gia tăng giá trị tài nguyên ĐDSH dưới nước ở khu DTSQ.

2) Cấu phần **“đất, ruộng đa canh”**, là cấu phần phát triển trên các vùng đất trồng, đất hoang hóa và đất canh tác nông nghiệp.

- Đất đa canh là các khoảnh đất trống được giao cho cộng đồng, nông hộ trồng rừng, ở giai đoạn đầu, đất hoang vừa được trồng rừng, vừa trồng xen cây kinh tế ngắn ngày để tăng thu nhập cho sinh kế, vào giai đoạn sau, khi rừng đã tốt, khép tán thì có thể trồng xen các loài cây lâm sản ngoài gỗ cho thu nhập như trong rừng đa tầng, giai đoạn tiếp theo là nhà nước (thành phố Hội An + khu DTSQ) mua lại rừng để biến thành rừng đặc dụng để bảo vệ nguyên trạng. Đây là diễn thế phát triển được thực hiện bằng hoạt động sinh kế theo chiều tích cực.

- Ruộng đa canh được thực hiện tại vùng đệm nằm trong phạm vi vùng cửa sông Thu Bồn và khu vực ngập nước dọc sông đến đô thị cổ Hội An, vùng chuyển tiếp là đô thị cổ Hội An và lân cận, đây là vùng ngập nước theo mùa, vì thế, các hoạt động sinh kế nông nghiệp cần được sinh thái hóa phù hợp với các điều kiện sinh thái theo hướng xanh, sạch để không ảnh hưởng đến các HST cửa sông và vùng biển quanh Cù Lao Chàm, với ý nghĩa đó, đa canh sẽ vừa giữ truyền thống của các làng nghề (làng rau Trà Quế) xen canh các loài cây thực phẩm chịu nước (dưới rãnh) với các loài cây ưa ẩm (trên vòng – giồng cao) sẽ làm tăng mức độ đa dạng các loại cây rau phục vụ nhu cầu của khách du lịch được có quy hoạch hợp lý với các giống cây bản địa cộng với các loài nhập từ vùng khác phù hợp theo chỉ dẫn của các chuyên gia khu DTSQ, chính quyền phường, xã và sự vào cuộc của các nhà khoa học để các hộ nông dân thực hiện ruộng đa canh với cam kết đầu ra của các doanh nghiệp thu nhận sản phẩm từ các HST canh nông.

3) Cấu phần “*nhà đa giàn*” áp dụng cho các hộ gia đình trên địa bàn thành phố Hội An, xã Tân Hiệp, cũng như các phường, xã dọc sông Cửa Đại, nơi các hộ gia đình thường sở hữu không nhiều diện tích đất đai, nhưng lại có mật độ dân cư cao và chịu nhiều sức ép về thực phẩm, về hoa cây cảnh làm đẹp khu dân cư thu hút khách du lịch, vì thế, nhà đa giàn khuyến khích các hộ tận dụng các khoảng không trồng cây xanh, trồng rau giàn, trồng hoa cảnh, cây cảnh, v.v. vừa để bổ sung lượng rau xanh tại chỗ, vừa tạo nên cây xanh đô thị, vẻ đẹp thiên nhiên cho không gian du lịch, ... vừa tăng giá trị vốn tài nguyên ĐDSH. Mặc dù phát triển theo hộ gia đình, nhưng cần có sự giám sát của các chuyên gia khu DTSQ để không tạo ra các “sản phẩm ngoại lai” có thể xâm hại vốn ĐDSH của khu DTSQ, do đó, các loài hoa, cây cảnh, sản vật “đa giàn” cần được chiết ghép, cấy mô, nhân giống vô tính từ nguồn gen từ khu BTTN biển Cù Lao Chàm với sự hướng dẫn của các nhà khoa học.

4.2. Các mô hình trình diễn

- Mô hình rừng biển Cù Lao Chàm theo hướng “bảo tồn nguyên vị”, ở đây rừng biển được hiểu là rừng dưới biển (ĐDSH biển) [8]. Mô hình triển khai trên các nguyên tắc: (1) Dựa trên cơ sở thỏa hiệp giữa cơ quan quản lý nhà nước (UBND thành phố Hội An), cơ quan quản lý chuyên môn (Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm), doanh nghiệp và cộng đồng xã đảo Tân Hiệp cùng thống nhất xây dựng mô hình; (2) Dựa trên cơ sở khảo sát, đánh giá các điều kiện sinh thái, môi trường phù hợp để chọn lựa vị trí và qui mô thích hợp; (3) Thể hiện rõ tính liên kết giữa bảo tồn đa dạng sinh học – phát triển sinh kế bền vững – phát triển kinh tế xã hội của địa phương; (4) Do chính cộng đồng quản lý và vận hành trên cơ sở hỗ trợ về chính sách của chính quyền địa phương, sự hỗ trợ về kỹ thuật của cơ quan chuyên môn (Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm), sự liên kết với các doanh nghiệp trong việc quảng bá sử dụng dịch vụ của cộng đồng, sự tư vấn về thông tin khoa học liên quan từ các nhà khoa học; (5) Dựa trên bộ tiêu chí được xây dựng để đánh giá hiệu quả của mô hình làm cơ sở nhân rộng và phát triển các mô

hình tương tự; và (6) Được phân tích rõ ràng về chi phí lợi ích (Cost Benefit Analysis) để thấy được lợi ích về mặt kinh tế, lợi ích về mặt bảo tồn và lợi ích chung của cộng đồng (xã hội).

Nội dung mô hình là Xây dựng công viên biển theo hướng “bảo tồn nguyên vị” các tập đoàn san hô (Coral reef), thảm cỏ biển (Seagrass), rong biển (Seaweed bed) và các loài động vật đáy cỡ lớn (Benthod). Đối tượng là các du khách mà ngoài các hoạt động, trải nghiệm tại Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm sẽ được cộng đồng trực tiếp giới thiệu, hướng dẫn và cùng trải nghiệm các hoạt động độc đáo tại mô hình rừng biển.

- Mô hình vườn cây thuốc trên đảo Cù Lao Chàm được Khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm kết hợp với một doanh nghiệp chế biến dược liệu lựa chọn loại hay nhóm loại cây thuốc đặc trưng của Cù Lao Chàm, đồng thời lựa chọn vị trí, giới thiệu với cộng đồng để cộng đồng chọn ra một nhóm nông hộ (khoảng 5-10 hộ) có tay nghề tham gia trồng vườn cây thuốc dưới tán rừng theo kỹ thuật do các chuyên gia khu Bảo tồn biển chỉ dẫn. Chất lượng sản phẩm được đánh giá theo ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp dược liệu. Khi kết quả phù hợp về cây thuốc và chất lượng đáp ứng nhu cầu sẽ triển khai thành sinh kế mới cho cộng đồng.

- Mô hình bè nuôi đặc sản địa phương có thể được triển khai tại các hệ sinh thái cửa sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng biển Cửa Đại, tạo ra sự chuyển đổi chuyển tiếp thích hợp cho sự sinh sản và phát triển của rất nhiều loài thủy sinh vật như tôm, cá, cua, ghẹ, ốc, ..., đồng thời các hệ sinh thái bãi triều, bờ đá là nơi sinh sống của nhiều loài thân mềm như vú sao, vú nàng, bào ngư, ..., giáp xác, và các loài chịu sóng khác, đây là điều kiện quan trọng để Ban quản lý khu DTSQ đưa ra mô hình sinh kế gia nuôi trồng các loài đặc sản trong điều kiện thiên nhiên phục vụ du khách tham quan sinh thái (đảm bảo không sử dụng các loại thức ăn làm ô nhiễm môi trường) bằng nguồn thu từ khách du lịch. Ngoài ra, trong mô hình này còn kết hợp với việc tham quan các bãi đẻ của rùa biển trên các bãi cát nhỏ ven đảo ở Bãi Bắc, Bãi Ông,

Bãi Làng, Bãi Chông, Bãi Bìm và Bãi Hương, tạo thêm các tour du lịch sinh thái.

- Mô hình sinh kế du lịch bền vững hình thành chuỗi các tour – tuyến, điểm du lịch kết hợp giữa đô thị du lịch Hội An với khu bảo tồn thiên nhiên biển Cù Lao Chàm trong sự kết hợp hài hòa theo cam kết chặt chẽ giữa hoạt động quản lý của khu DTSQ và các doanh nghiệp du lịch trong sự điều phối chung của thành phố Hội An với các tiểu mô hình:

a/ Tại vùng lõi trên xã đảo Tân Hiệp có thể triển khai mô hình phát triển cây thuốc dưới tán rừng, phát triển nguồn cây cảnh bản địa,... gắn với du lịch sinh thái, du lịch chữa bệnh, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng,...; và mô hình sinh kế dựa trên phát triển gia tăng giá trị của các nguồn lợi hải sản, hệ sinh thái rạn san hô,... gắn với du lịch sinh thái lặn biển, tham quan hệ sinh thái san hô,...

b/ Ở vùng đệm tại các xã vùng đệm trên địa bàn vùng ven sông Cổ Cò và hạ lưu sông Thu Bồn theo địa bàn 5 xã phường (Cẩm Nam, Cẩm Châu, Cẩm Hà, Cẩm An, Cẩm Thanh) với mô hình nuôi trồng thủy sản vùng cửa sông gắn với du lịch sinh thái, du lịch tham quan và du lịch ẩm thực thân thiện với môi trường từ các giá trị gia tăng nguồn lợi thủy sản; và mô hình nông nghiệp sinh thái, du lịch có trách nhiệm gắn với các làng nghề, các HST đồng ruộng,...

c/ Tại vùng chuyển tiếp là thành phố Hội An với mô hình du lịch có trách nhiệm tại thành phố Hội An và tour Tp Hội An – biển đảo Cù Lao Chàm; mô hình làng nghề gắn với du lịch có trách nhiệm và du lịch sinh thái có tổ chức hợp lý theo sức chứa đảm bảo không quá ngưỡng sinh thái; và mô hình du lịch dựa vào cộng đồng theo trách nhiệm gắn với lợi ích kinh tế và môi trường.

5. Giải pháp thực hiện

1) Nhóm giải pháp quản lý với các giải pháp: (+) Triển khai hệ thống quản lý MIS và GIS; (+) Thiết lập hệ thống thông tin quản lý từ Ban quản lý khu DTSQ xuống các doanh nghiệp, các cộng đồng (hộ hay nhóm hộ) tham gia mô hình; (+) Hình thành cơ chế trao đổi

thông tin đa chiều giữa các bên tham gia theo diễn đàn mở.

2) Nhóm các giải pháp hạn chế và tiến tới chấm dứt tác động vào nguồn vốn ĐDSH tự nhiên hiện có tại khu DTSQ gồm: (+) Giải pháp đưa hoạt động bảo vệ tài nguyên ĐDSH ở vùng lõi khu DTSQ (tại khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm) thành sinh kế của nhóm dân cư ven rừng và nhóm dân cư hoạt động sinh kế ngư nghiệp với phương thức phân chia giá trị kinh tế gia tăng hàng năm của vốn tài nguyên cho những người tham gia đề họ giảm và tiến tới chấm dứt hoạt động khai thác tài nguyên; (+) Giải pháp xây dựng các nhóm hộ có tay nghề tham gia làm tăng vốn tài nguyên với sinh kế phát triển lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng và sinh kế nuôi trồng nguồn lợi thủy sản dưới biển.

3) Nhóm giải pháp thu hút đầu tư phát triển của các doanh nghiệp, cộng đồng nhằm tạo sinh kế bền vững, có sự thống nhất trong liên kết các bên gồm: (+) Giải pháp phát triển các dự án đầu tư cụ thể trong liên kết hành động của các bên tham gia; (+) Giải pháp xây dựng các dự án cộng đồng quy mô nhỏ với sự góp vốn của chính cộng đồng và các doanh nghiệp liên quan; (+) Giải pháp thành lập các nhóm hỗ trợ tài chính nhỏ để xây dựng các tiểu dự án trong các mô hình rừng đa tầng, ruộng đa canh, nhà đa gian; (+) Giải pháp thành lập mạng lưới liên kết thông tin giữa các bên liên quan theo một kênh thông tin thống nhất.

4) Nhóm giải pháp tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết và động viên các bên tham gia các mô hình sinh kế gồm: (+) Giải pháp tuyên truyền thông qua thông tin đại chúng: tờ rơi, áp phích, pan nô, qua đài, báo chí, website, mạng xã hội,...; (+) Các giải pháp tập huấn cộng đồng, thảo luận với doanh nghiệp, hội thảo chuyên đề, gặp mặt định kỳ, trao đổi, bàn luận, thảo luận đề xuất – hiến kế,...; (+) Tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa, tham quan chuyên đề, hướng dẫn thực hành,... với các trường phổ thông trong phạm vi thành phố Hội An và vùng lân cận. Liên kết với các cơ quan nghiên cứu, đào tạo để hướng dẫn sinh viên, các học viên trên đại học tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cho khu DTSQ và

phổ biến các kết quả nghiên cứu, các kinh nghiệm thực tiễn đã và đang tiến hành trên địa bàn khu DTSQ.

5) Nhóm giải pháp xây dựng các mô hình trình diễn gồm: (+) Xây dựng một mô hình quản lý rừng liên kết với cộng đồng có sự tham gia của nhóm hộ trên đảo Cù Lao Chàm; (+) Xây dựng mô hình vườn trồng cây dược liệu dưới tán rừng cho một nhóm hộ ở xã Tân Hiệp theo sinh kế dựa vào rừng; (+) Mô hình nhóm hộ tham gia làm “rừng biên”; (+) Mô hình nhóm hộ nuôi lồng bè ở Cửa Đại; (+) Mô hình nhóm hộ trồng rau giàn chuyên canh ở xã Tân Hiệp; (+) Mô hình nhóm hộ làm dịch vụ du lịch có trách nhiệm ở xã Tân Hiệp.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hà Huy Thành, Một số vấn đề XH&NV trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên và BVMT ở Việt Nam, Nxb. CTQG. Hà Nội, (2001).
- [2] Trương Quang Học, Cơ sở sinh thái học cho phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu. Kỳ yếu Hội thảo KH quốc gia “Nâng cao sức chống chịu trước biến đổi khí hậu” Nxb KHKH Hà Nội, (2013).
- [3] Richard J. Hobbs et al., Novel ecosystems: theoretical and management aspects of the new ecological world order. *Global Ecology and Biogeography*, (Global Ecol. Biogeogr.) (2006) 15, 1–7, (2006).
- [4] Christopher S. Sneddon, ‘Sustainability’ in ecological economics, ecology and livelihoods: a review. *Progress in Human Geography* 24,4 (2000) pp. 521–549, (2000)
- [5] Nguyễn Hồng Anh, Khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên rừng trên cơ sở tri thức địa phương người Thái huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An-những thách thức trong bối cảnh hiện nay. Đề tài cấp Bộ, (2015).
- [6] Nguyễn Ngọc Khánh và cộng sự Một số định hướng về quản lý theo hướng bền vững tài nguyên thiên nhiên vùng ven biển duyên hải Nam Trung Bộ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH. Đề tài cấp Bộ, (2015).
- [7] Nguyễn Hồng Anh Đề cương nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia “Luận cứ khoa học nhằm hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn đa dạng sinh học với sinh kế bền vững và phát triển KT-XH ở khu DTSQ Cù Lao Chàm - Hội An”, (2016).
- [8] Phạm Văn Hiệp Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm – một mô hình thành công về quản lý theo cách tiếp cận hệ sinh thái, dựa vào cộng đồng. Trang điện tử của Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm 4/10/2012, (2012).

Construction of the Model Sustainable Livelihoods in the World Biosphere Reserves to deal with Climate Change (Case Study in Cu Lao Cham-Hoi An World Biosphere Reserves)

Nguyen Ngoc Khanh, Nguyen Hong Anh

Institute for Social Sciences of the Central Region, Hoa Quy, Ngu Hanh Son, Da Nang, Vietnam

Abstract: Residents living in the area of the World Biosphere Reserves are the historical consequence, therefore, building models of sustainable livelihoods for the population in the areas of the World Biosphere Reserves is an important problem in the context of climate change and socio-economic development in Vietnam. The harmonious principle of the development is the increase in the biodiversity resources capital to conserve and to use the increased biodiversity resources capital to build sustainable livelihoods. Hence, the model of sustainable livelihoods in Cu Lao Cham-Hoi An World Biosphere Reserves is defined as: "*the forest is multi-layered, sea and land fields are multi-cultivated, homes are multi-plants-layered*".

Keywords: Model, sustainable livelihoods, biosphere reserves, climate change, development.